

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K S  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST**

**Ngày: 31/3/2021**

**Về việc: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Vương**

***Các hội thẩm nhân dân:***

**1. Bà Hồ Thị Thanh Thủy**

**2. Bà Trần Thị Ngọc Duyên**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.**

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Cảnh - Kiểm sát viên.***

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, Tòa án nhân dân huyện KS tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2020/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2020, về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Trương Thị Yến H - sinh năm 1988.**

**Nơi cư trú: Thôn L, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.**

**(có mặt)**

**Bị đơn: Anh Nguyễn Thái Nh - sinh năm 1985.**

**Nơi cư trú: Thôn L, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.**

**(vắng mặt)**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/11/2020, bản tự khai ngày 27/11/2020, biên bản hòa giải ngày 26/01/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Yến H trình bày:***

***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Trương Thị Yến H và anh Nguyễn Thái Nh tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2011, nhưng đến năm 2012 mới làm đăng ký kết hôn, với nhau từ năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã S L, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012, quyển số 01 ngày 12/4/2012.

***Quá trình chung sống:*** Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh Nh sống tại thôn CK, xã SL, huyện KS, Khánh Hòa. Đến năm 2018 vợ chồng chị chuyển đến

thôn L, xã SB, huyện K S, tỉnh Khánh Hoà làm ăn sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung, nhưng đến năm 2019 vợ chồng chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Nh hay lấy tiền của chị chơi bài bạc, không chăm lo đến vợ con. Gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Từ cuối năm 2020 đến nay vợ chồng chị tuy rằng cùng sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể ở với nhau lâu dài được, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Thái Nh.

*Về con chung:* Vợ chồng chị H và anh Nh có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt N - sinh ngày 16/9/2013; hiện nay cháu đang đi học do chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Vợ chồng ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giao cháu N cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

*Các khoản nợ chung:* Ngày 08/3/2018, vợ chồng chị H và anh Nh vay vốn của Ngân hàng - Phòng giao dịch Ngân hàng huyện KS số tiền 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng).

Đến ngày 08/01/2021, vợ chồng chị đã trả hết nợ cho Ngân hàng số tiền là 50.382.192 đồng; trong đó: Tiền gốc: 50.000.000đ, tiền lãi: 382.192 đồng.

***Tại bản tự khai ngày 06/12/2021, bị đơn anh Nguyễn Thái Nh trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Thái Nh khai quá trình kết hôn, chung sống đúng như chị Trương Thị Yên H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn CK, xã S L, huyện K S, Khánh Hòa. Đến năm 2018 vợ chồng anh, chị chuyển đến sống tại thôn L, xã S B, huyện K S, tỉnh Khánh Hoà làm ăn sinh sống, thời gian đầu vợ chồng anh, chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, nhưng đến tháng 7 năm 2020 vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh lấy tiền của vợ chơi bài bạc, anh rất ân hận, mong quý tòa xem xét, anh Nh vẫn còn yêu thương vợ con và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái trưởng thành.

*Về con chung:* Vợ chồng anh Nh có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt N - sinh ngày 16/9/2013. Vợ chồng ly hôn, anh Nh đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị H được nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nh không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có.

*Các khoản nợ chung:* Ngày 08/3/2018, vợ chồng anh Nh vay vốn của Ngân hàng - Phòng giao dịch Ngân hàng huyện KS số tiền 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng).

Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng chị H và anh Nh ngày 05/01/2021, quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc một thời gian dài. Tuy nhiên thời

gian gần đây anh Nh cũng có ham chơi cờ bạc, gây ra mâu thuẫn vợ chồng. Nhưng vợ chồng chưa bao giờ trình bày hay nhờ chính quyền, tổ hòa giải can thiệp.

Tại Công văn số 12/NHCSKS ngày 15/01/2021 của Ngân hàng - Phòng giao dịch Ngân hàng huyện K S ý kiến như sau: Ngày 08/01/2021, vợ chồng chị H và anh Nh đã trả hết nợ cho Ngân hàng. Vậy Phòng giao dịch Ngân hàng huyện KS đề nghị Tòa án không xét xử về khoản nợ tại Ngân hàng.

***Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa:***

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn anh Nh đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Điều 72 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về hướng giải quyết toàn bộ vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị Yến H được ly hôn anh Nguyễn Thái Nh.

*Về con chung:* Chị Trương Thị Yến H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Nhựt N - sinh ngày 16/9/2013;

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự tự nguyện của Trương Thị Yến H về không yêu cầu anh Nguyễn Thái Nh cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Trương Thị Yến H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

*Nguyên đơn cung cấp:* Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Nhựt N; Bản sao giấy chứng minh nhân dân Trương Thị Yến H, Bản sao giấy chứng minh nhân dân anh Nguyễn Thái Nh; Bản sao sổ hộ khẩu;

*Tòa án thu thập chứng cứ:* Ngày 05/01/2021, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng Hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng chị H và anh Nh.

*Ngân hàng cung cấp:* Công văn số 12/NHCSKS ngày 15/01/2021, phiếu nộp tiền ngày 30/12/2020, 02 bản phô tô phiếu giao dịch ngày 08/01/2021.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. ***Về tố tụng:*** Chị Trương Thị Yến H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về việc “ly hôn” đối với anh Nguyễn Thái Nh nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn anh Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Nh vắng mặt tại các phiên họp và hòa giải. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Yến H và anh Nguyễn Thái Nh tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2011, nhưng đến năm 2012 mới làm đăng ký kết hôn, với nhau từ năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã SL, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012, quyển số 01 ngày 12/4/2012.

*Quá trình chung sống:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh Nhặt nhiều lần lấy tiền của chị H chơi bời bài bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải được. Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau, cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng rạn nứt hơn.

*Xét thấy:* Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh là hoàn toàn có cơ sở, nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- Về con chung: Vợ chồng chị H và anh Nh có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhặt N - sinh ngày 16/9/2013. Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng ly hôn, anh Nh đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị H được nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nh không cấp dưỡng nuôi con.

*Xét thấy:* Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị H nghề nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng có thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 30.000.000 đồng; hiện nay cháu N đang sống ổn định với chị H, cháu đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ, nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó để đảm bảo cho cháu được phát triển toàn diện về tâm sinh lý và xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên được đầy đủ, nên căn cứ Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của chị H về không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- *Các khoản nợ chung*: Ngày 08/3/2018, vợ chồng chị H và anh Nh vay vốn của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh. Ngày 08/01/2021, vợ chồng chị đã trả hết nợ cho Ngân hàng số tiền là 50.382.192 đồng; trong đó: Tiền gốc: 50.000.000đ, tiền lãi: 382.192 đồng nên không xét.

[3]. **Về án phí**: Chị Trương Thị Yến H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.*

#### **Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Yến H được ly hôn anh Nguyễn Thái Nh.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Nhựt N - sinh ngày 16/9/2013 cho chị Trương Thị Yến H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

*Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị Yến H về không yêu cầu anh Nguyễn Thái N cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị Yến H và anh Nguyễn Thái Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Trương Thị Yến H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000331 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K S. Chị Trương Thị Yến H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Quyền kháng cáo*: Chị Trương Thị Yến H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Thái Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND huyện K S;
- THADS huyện K S;
- UBND xã S L, Huyện KS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trương Văn Vương**